

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DI LINH
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 24- 7 - 2023

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đồng.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Ngọc Hà.

2. Bà Lê Thị Chung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Vui –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Di Linh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh tham gia phiên tòa: Bà K'Dem – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 51/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2023 về việc: “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 35/2023/QĐST – DS ngày 04 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1966. Địa chỉ: Số 82 đường D26, khu phố 1, Phường P, TP T, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1968.

Địa chỉ: 95/1/21 đường P, TT D, huyện D, Lâm Đồng.

(Bà H có đơn xin vắng mặt, ông Tr vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/02/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Huỳnh Thị H trình bày:*

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Tôi (Huỳnh Thị H) và ông Nguyễn Văn Tr kết hôn vào năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, hôn nhân do hai bên tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng

chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, ông Tr bỏ đi và có vợ khác ở Lâm Đồng. Hiện tôi và ông Tr đã sống ly thân từ lâu và không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, manh ai lấy sống.

Nay tôi xin ly hôn với ông Nguyễn Văn Tr.

+ Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Trung B, sinh ngày 20/4/2000, đã mất ngày 16/7/2022 nên khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

+ Về tài sản chung, tài sản cho vay chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn Tr trình bày tại bản tự khai ngày 24/02/2023:

Tôi đã nhận được thông báo thụ lý vụ án số 51 ngày 20/02/2023.

Về quan hệ hôn nhân: Tôi đồng ý ly hôn với bà Huỳnh Thị H.

Về tài sản chung: Chúng tôi có các tài sản chung với nhau:

Tài sản thứ nhất: Căn nhà số 82 đường D26, khu phố 1, phường Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương yêu cầu chia đôi tài sản. Giao cho bà Huỳnh Thị H sử dụng, bà Hiệp phải thanh toán cho tôi $\frac{1}{2}$ trị giá căn nhà bằng tiền.

Tài sản thứ hai: Một lô đất ở huyện Dầu Tiếng, Bình Dương. Giao đất cho bà H sử dụng, bà H phải thanh toán cho tôi $\frac{1}{2}$ giá trị lô đất bằng tiền. Toàn bộ giấy tờ bà H giữ nên tôi không có để cung cấp cho Tòa án.

- *Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh*: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh phát biểu quan điểm về tuân theo pháp luật tổ tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị H cho bà H được ly hôn với ông Nguyễn Văn Tr.

Về con chung: Có 01 con chung đã chết nên không đề cập.

Về tài sản chung: Bị đơn không có đơn khởi kiện phản tố nên không đề cập xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà H chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. Tòa án nhân dân huyện Di Linh nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập bị đơn ông Nguyễn Văn Tr nhiều lần nhưng ông Tr đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Tr theo thủ tục chung. Nguyên đơn bà H có đơn xin vắng mặt căn cứ khoản 1 điều 228 và Điều

238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung là đúng pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị H khởi kiện xin ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Văn Tr. Do đó quan hệ tranh chấp là: “Ly hôn” theo khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Nơi bị đơn cư trú là huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng nên Tòa án nhân dân huyện Di Linh có thẩm quyền giải quyết vụ án theo điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 – Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị H và ông Nguyễn Văn Tr kết hôn vào năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, hôn nhân do hai bên tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, ông Tr bỏ đi và có vợ khác ở Lâm Đồng. Hiện bà H và ông Tr đã sống ly thân từ lâu và không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, manh ai lấy sống.

Xét mâu thuẫn giữa bà H và ông Tr đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, giải quyết cho bà Hiệp và ông Trung được ly hôn.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là anh Nguyễn Trung Bình, sinh ngày 20/4/2000, đã mất ngày 16/7/2022 nên Tòa án không đề cập việc giải quyết.

[5] Về tài sản chung, tài sản cho vay chung, nợ chung:

Nguyên đơn bà H trình bày không có tài sản chung, không có tài sản cho vay chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Tr trình bày: Về tài sản chung: Chúng tôi có các tài sản chung với nhau: Tài sản thứ nhất: Căn nhà số 82 đường D26, khu phố 1, phường Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương yêu cầu chia đôi tài sản. Giao cho bà Huỳnh Thị H sử dụng, bà H phải thanh toán cho tôi $\frac{1}{2}$ trị giá căn nhà bằng tiền. Tài sản thứ hai: Một lô đất ở huyện Dầu Tiếng, Bình Dương. Giao đất cho bà H sử dụng, bà H phải thanh toán cho tôi $\frac{1}{2}$ giá trị lô đất bằng tiền. Toàn bộ giấy tờ bà H giữ nên tôi không có để cung cấp cho Tòa án. Tòa án đã thông báo cho ông Trung làm đơn khởi kiện đối với yêu cầu phản tố nêu trên theo thông báo số 166/2023/TB-TA ngày 04/4/2023 nhưng ông Tr không có đơn khởi kiện yêu cầu phản tố nộp cho Tòa án. Tòa án triệu tập ông Tr để làm việc nhiều lần nhưng ông Tr không đến Tòa là không chấp hành pháp luật và từ bỏ yêu cầu của mình nên không đề cập giải quyết về tài sản chung trong bản án này. Sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 144; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, Bà Huỳnh Thị H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; Điều 144; Điều 147, khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228; điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị H và ông Nguyễn Văn Tr được ly hôn.

2. Về án phí: Chị Bà Huỳnh Thị H chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm xin ly hôn. Được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai số 0007113 ngày 20 tháng 02 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Di Linh.

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay, các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02 bản);
- VKSND huyện Di Linh (02 bản);
- THADS huyện Di Linh (01 bản)
- UBND nơi đăng ký kết hôn (01 bản;
- Các đương sự (01 bản);
- Lưu hồ sơ vụ án, AV (02 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Đồng